

Số: /GPMT-KCNĐN Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 331/QĐ-KCNĐN ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai về việc thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án “Sản xuất sơn các loại, các nguyên vật liệu chống thấm, vật liệu làm cứng sử dụng trong ngành xây dựng và công nghiệp, công suất 12.860 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất bôn tắm và các phụ kiện liên quan, công suất 60.000 bộ/năm; Sản xuất bột đánh bóng, các chất phụ gia trong xi măng, ma tít để ghép nối và các loại ma tít khác, các hợp chất dùng để trát, gấn khác, các chất bả bề mặt trước khi sơn, các vật liệu phủ bề mặt không chịu nhiệt, công suất 3.100 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất các chất hoạt động bề mặt như chất khử mùi, chất xịt phòng, công suất 5 tấn sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Polarc tại đường số 10, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ văn bản số 3967/KCNĐN-MT ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án của Công ty TNHH Polarc;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Polarc tại văn bản số 148-24/CV.PL đề ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Polarc (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Polarc: Sản xuất sơn các loại, các nguyên vật liệu chống thấm, vật liệu làm cứng sử dụng trong ngành xây dựng và công nghiệp, công suất 12.860 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất bôn tẩm, công suất 60.000 bộ/năm; Sản xuất các chất hoạt động bề mặt như: chất khử mùi, chất xịt phòng, công suất 5 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất bột đánh bóng, các chất phụ gia trong xi măng, ma tít để ghép nối và các loại ma tít khác, các hợp chất dùng để trát, gắn khác, các chất bả bề mặt trước khi sơn, các vật liệu phủ bề mặt không chịu nhiệt, công suất 3.100 tấn sản phẩm/năm” tại đường số 10, KCN Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH POLARC.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường số 10, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần Thiết bị Vệ sinh Caesar Việt Nam).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Mã số doanh nghiệp: 3603913950, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 5 năm 2023, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 05 tháng 6 năm 2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 8780424632, chứng nhận lần đầu ngày 28 tháng 4 năm 2023 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3603913950.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sơn các loại, các nguyên vật liệu chống thấm, vật liệu làm cứng sử dụng trong ngành xây dựng và công nghiệp; Sản xuất bôn tẩm; Sản xuất các chất hoạt động bề mặt như: chất khử mùi, chất xịt phòng; Sản xuất bột đánh bóng, các chất phụ gia trong xi măng, ma tít để ghép nối và các loại ma tít khác, các hợp chất dùng để trát, gắn khác, các chất bả bề mặt trước khi sơn, các vật liệu phủ bề mặt không chịu nhiệt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Diện tích nhà xưởng 4.536 m² (thuê nhà xưởng và công trình phụ trợ của Công ty Cổ phần Thiết bị vệ sinh Caesar Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê nhà xưởng số 07.2023/TNX/CS-PLC ngày 01 tháng 7 năm 2023).

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Dự án đầu tư nhóm II (phân loại theo tiêu chí môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

- Công suất: Sản xuất sơn các loại, các nguyên vật liệu chống thấm, vật liệu làm cứng sử dụng trong ngành xây dựng và công nghiệp, công suất 12.860 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất bôn tẩm, công suất 60.000 bộ/năm; Sản xuất các chất hoạt động bề mặt như chất khử mùi, chất xịt phòng, công suất 5 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất bột đánh bóng, các chất phụ gia trong xi măng, ma tít để ghép nối và các loại ma tít khác, các hợp chất dùng để trát, gắn khác, các chất bả

bề mặt trước khi sơn, các vật liệu phủ bề mặt không chịu nhiệt, công suất 3.100 tấn sản phẩm/năm.

- Sơ lược quy trình sản xuất:

(1) Quy trình sản xuất sơn 1K (sơn 1 thành phần), chất chính (chất A) trong sơn 2K (sơn 2 thành phần), vật liệu chống thấm, vật liệu làm cứng: *Nguyên liệu* → *Đổ liệu* → *Khuấy phân tán* → *Nghiền liệu* → *Chỉnh màu* → *Kiểm định tại phòng thí nghiệm* → *Đóng gói* → *Nhập kho* → *Xuất hàng*.

(2) Quy trình sản xuất chất đóng rắn (chất B) trong sơn 2K (sơn 2 thành phần): *Nguyên liệu* → *Đổ liệu* → *Khuấy phân tán* → *Kiểm định tại phòng thí nghiệm* → *Đóng gói* → *Nhập kho* → *Xuất hàng*.

(3) Quy trình sản xuất các chất hoạt động bề mặt; sản xuất các chất phụ gia trong xi măng, ma tít để ghép nối và các loại ma tít khác, các hợp chất dùng để trát, gắn khác, các chất bả bề mặt trước khi sơn, các vật liệu phủ bề mặt không chịu nhiệt: *Nguyên liệu* → *Đổ liệu* → *Khuấy phân tán* → *Điều chỉnh độ nhớt* → *Kiểm định tại phòng thí nghiệm* → *Đóng gói* → *Nhập kho* → *Xuất hàng*.

(4) Quy trình sản xuất bột đánh bóng: *Nguyên liệu* → *Đổ liệu (trộn)* → *Đóng gói* → *Nhập kho* → *Xuất hàng*.

(5) Quy trình sản xuất bôn tẩm: (*Mica* → *Khuôn định hình*) + *Nguyên phụ liệu* → *Khuấy trộn nguyên liệu* → *Đắp nguyên liệu* → *Khô tự nhiên/Sấy khô bằng điện* → *Cắt cạnh, mài cạnh* → *Lắp ráp* → *Phun sơn* → *Kiểm phẩm* → *Đóng gói* → *Xuất hàng*.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án:

1. Chủ dự án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô

nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nhơn Trạch;
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Công ty CP Thiết bị vệ sinh Caesar Việt Nam (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (TH).

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sinh hoạt của dự án sau xử lý sơ bộ được đưa về hệ thống thu gom nước thải và đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tại 01 hố ga đầu nối riêng vào hệ thống thu gom xử lý nước thải của KCN Nhơn Trạch I (trên đường số 10 của KCN).

- Công ty Cổ phần Thiết bị vệ sinh Caesar Việt Nam (đơn vị cho thuê nhà xưởng) đã ký Hợp đồng xử lý nước thải số 70/HĐ-CT ngày 20/8/2018 và Biên bản xác nhận vị trí đầu nối thoát nước ngày 03/01/2024 với Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO (đơn vị đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN Nhơn Trạch I).

- Công ty Cổ phần Thiết bị vệ sinh Caesar Việt Nam và chủ dự án đã ký Hợp đồng cho thuê nhà xưởng số 07.2023/TNX/CS-PLC ngày 01/7/2023, trong đó mục 4.1.2 có đề cập trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với nước thải. Công ty Cổ phần Thiết bị vệ sinh Caesar Việt Nam đã đầu tư hoàn thiện, thiết kế đường ống thu gom, thoát nước thải, hố ga đầu nối nước thải để đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải của KCN Nhơn Trạch I.

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch I theo thỏa thuận giữa Chủ dự án, Công ty Cổ phần Thiết bị vệ sinh Caesar Việt Nam và Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO theo Hợp đồng xử lý nước thải số 70/HĐ-CT ngày 20/8/2018 và mục 4.1.2 Hợp đồng thuê nhà xưởng số 07.2023/TNX/CS-PLC ngày 01/7/2023.

- Chủ dự án không được xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt với lưu lượng dự kiến 4,4 m³/ngày đêm được dẫn qua 02 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 13 m³ bằng hệ thống đường ống HDPE Ø42mm để về hố ga đầu nối nước thải (hố ga ĐS-T-27 trên đường số 10 của KCN); sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I. Tổng chiều dài hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án khoảng 170m.

- Nước thải phát sinh từ khu vực vệ sinh bồn trộn với lưu lượng dự kiến 2,24 m³/ngày đêm được thu gom theo rãnh xi măng bao quanh khu vực rửa về hố ga tại góc khu rửa bồn và chảy theo đường ống nhựa uPVC Ø60mm dài 20m về hố thu gom nước thải sản xuất; sau đó được bơm về 02 bồn chứa (nối tiếp) để

lắng cặn; nước sau khi lắng được tuần hoàn tái sử dụng cho mục đích vệ sinh bồn trộn. Phần cặn lắng tại hố thu gom và bồn chứa 1 định kỳ được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý ở dạng chất thải nguy hại; định kỳ 1 năm/lần sẽ tiến hành thay mới nước vệ sinh bồn trộn, lượng nước thải được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý ở dạng chất thải nguy hại.

- Nước thải phát sinh từ vệ sinh dụng cụ, thiết bị phòng thí nghiệm với lưu lượng dự kiến 0,008 m³/ngày đêm được thu gom vào thùng chứa dung tích 60L có nắp đậy; định kỳ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý ở dạng chất thải nguy hại.

- Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải với lưu lượng dự kiến 0,4 m³/ngày đêm được thu gom về bể chứa nước hấp thụ và tuần hoàn sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải; cặn lắng định kỳ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý ở dạng chất thải nguy hại.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Sơ lược quy trình thu gom, xử lý nước thải: *Nước thải sinh hoạt* → *Bể tự hoại 03 ngăn* → *Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I (tại 01 hố ga số ĐS-T-27 riêng biệt trên đường số 10 của KCN).*

- Công suất thiết kế: 02 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 13 m³ (01 bể có thể tích 12 m³; 01 bể có thể tích 1 m³).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận giữa Chủ dự án, Công ty Cổ phần Thiết bị vệ sinh Caesar Việt Nam (đơn vị cho thuê nhà xưởng) và Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO (đơn vị đầu tư xây

dụng kinh doanh hạ tầng KCN Nhơn Trạch I), không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm
2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn cắt cạnh, mài trong quy trình sản xuất bồn tắm.
- Nguồn số 02: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn bồn tắm.
- Nguồn số 03: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực đắp liệu bồn tắm.
- Nguồn số 04: Bụi, hơi dung môi phát sinh từ khu vực đồ liệu quy trình sản xuất sơn, sản xuất bột đánh bóng.
- Nguồn số 05: Nhiệt thừa phát sinh từ buồng sấy bồn tắm (không có dòng thải do không qua hệ thống xử lý khí thải).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°):

- Dòng khí thải số 01, 02: Tương ứng với 02 ống thoát khí thải sau 02 hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn cắt cạnh, mài trong quy trình sản xuất bồn tắm (Nguồn số 01). Tọa độ vị trí xả khí thải: ($X_1= 1.188.150$; $Y_1= 409.924$); ($X_2= 1.188.150$; $Y_2= 409.926$).

- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ khu vực đắp liệu bồn tắm, khu vực sơn bồn tắm, khu vực đồ liệu quy trình sản xuất sơn, sản xuất bột đánh bóng (Nguồn số 02, 03, 04). Tọa độ vị trí xả khí thải: $X_3= 1.188.152$; $Y_3= 409.917$.

Vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải tại KCN Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Tổng lưu lượng khí thải lớn nhất của dự án dự kiến là $17.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $2.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $2.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $12.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 0,8$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của dự án) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT. Cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
I	Dòng khí thải số 01, 02				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.</i>	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.</i>
2	Bụi	mg/Nm ³	160	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.</i>	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.</i>
II	Dòng khí thải số 03				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.</i>	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.</i>
2	Bụi	mg/Nm ³	160	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.</i>	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.</i>
3	n-Butyl Acetate	mg/Nm ³	950	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.</i>	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.</i>
4	Xylen	mg/Nm ³	870	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.</i>	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.</i>
5	Toluen	mg/Nm ³	750	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.</i>	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.</i>

Ghi chú:

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 0,8$ và $K_p = 1,0$) và QCVN 20:2009/BTNMT.

(2) Chủ dự án có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, các thông số còn lại tại Bảng 1 - QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 0,8$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của dự án) và Bảng 1 - QCVN 20:2009/BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1 Mạng lưới thu gom khí thải

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ 02 máy cắt cạnh, mài bôn tẩm được thu gom bằng hệ thống đường ống Ø200mm về 02 hệ thống xử lý khí thải để xử lý; sau đó thoát ra ngoài môi trường qua 02 ống thoát khí thải kích thước Ø300mm, cao khoảng 10m tính từ mặt đất.

- Nguồn số 02, 03, 04: Hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn bôn tẩm, khu vực đắp liệu bôn tẩm, khu vực đồ liệu quy trình sản xuất sơn, sản xuất bột đánh bóng được thu gom bằng các chụp hút và dẫn bằng hệ thống đường ống Ø300mm về 01 hệ thống xử lý khí thải chung để xử lý; sau đó thoát ra ngoài

môi trường qua 01 ống thoát khí thải kích thước Ø600mm, cao khoảng 10m tính từ mặt đất.

- Nguồn số 05: Nhiệt thừa phát sinh từ buồng sấy bồn tắm được thu gom và thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải có kích thước Ø150mm, cao khoảng 8m tính từ mặt đất (không qua hệ thống xử lý khí thải).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. 02 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn cắt cạnh, mài bồn tắm, công suất thiết kế 2.500 m³/giờ/hệ thống.

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Khí thải → *Chụp hút* → *Đường ống dẫn* → *Thiết bị lọc bụi túi vải* → *Quạt hút* → *Ống thoát khí thải* → *Khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 2.500 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi vải.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực sơn bồn tắm, đắp liệu bồn tắm, khu vực đồ liệu quy trình sản xuất sơn, sản xuất bột đánh bóng, công suất thiết kế 12.000 m³/giờ.

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Khí thải → *Chụp hút* → *Đường ống dẫn* → *Thiết bị hấp thụ (màng nước)* → *Tháp hấp phụ (tấm lọc than hoạt tính)* → *Quạt hút* → *Ống thoát khí thải* → *Khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 02 hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn cắt cạnh, mài bồn tắm, công suất thiết kế 2.500 m³/giờ/hệ thống.

- 01 hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn bồn tắm, khu vực đắp liệu bồn tắm, khu vực đồ liệu quy trình sản xuất sơn, sản xuất bột đánh bóng, công suất thiết kế 12.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 02 ống thoát khí thải sau 02 hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn cắt cạnh, mài bồn tấm, công suất thiết kế 2.500 m³/giờ/hệ thống.

- 01 ống thoát khí thải sau 01 hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn bồn tấm, khu vực đắp liệu bồn tấm, khu vực đồ liệu quy trình sản xuất sơn, sản xuất bột đánh bóng, công suất thiết kế 12.000 m³/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm
2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: từ máy cắt cạnh, mài bồn tắm.
- Nguồn số 02: từ máy khuấy trộn quy trình sản xuất sơn.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^o45, múi chiếu 3^o):

- Nguồn số 1: từ máy cắt cạnh, mài bồn tắm. Tọa độ: X= 1.118.139; Y= 410.294.

- Nguồn số 2: từ máy khuấy trộn quy trình sản xuất sơn. Tọa độ: X= 1.118.103; Y= 410.267.

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

S T T	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được

bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm
2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau thải nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	1.428
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	KS	2.125
3	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	KS	430
4	Cặn thải từ HTXL khí thải hơi dung môi	08 01 02	Bùn	KS	11.559
5	Cặn thải từ quá trình vệ sinh bồn trộn bằng nước	19 10 02	Bùn	KS	27.404
6	Nước thải từ vệ sinh dụng cụ, thiết bị phòng thí nghiệm	19 05 02	Rắn/lỏng	KS	2.500
7	Than hoạt tính từ HTXL khí thải	12 01 04	Rắn	NH	200
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					45.646

Ghi chú: Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Nhóm kim loại không nhiễm thành phần nguy hại	12 08 05	Rắn	TT	100
2	Nhóm gỗ (pallet thải)	18 01 07	Rắn	TT-R	200
3	Nhóm giấy: giấy vụn, thùng giấy carton	18 01 05	Rắn	TT	1.000
4	Bao bì thải	18 01 06	Rắn	TT-R	8.578
5	Chất thải chứa vật liệu sợi thủy tinh (ba vĩa thải, bụi	06 01 07	Rắn	TT	31.215

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
	mài)				
6	Bùn từ bể tự hoại	-	Bùn	TT	840
7	Hộp chứa mực in (từ khu văn phòng)	08 02 08	Rắn	TT-R	1
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					41.934

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	6
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	2,25
Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)		8,25

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, phuy có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 18,6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao chứa chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 41,4 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có tường bao và mái che bằng tôn, nền được gia cố bằng bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 20 lít tại các khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc.

2.3.2. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Thùng rác lớn 240 lít được tập trung ở khu tập kết rác sinh hoạt cạnh khu lưu giữ chất thải công nghiệp không nguy hại, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận

chuyên và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Dự án theo quy định.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNDN ngày tháng năm
2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Phối hợp với đơn vị cho thuê nhà xưởng trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải

chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần Thiết bị vệ sinh Caesar Việt Nam, Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO, UBND huyện Nhơn Trạch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI